

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

Về việc: Xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thế Lộc.

Bà Trần Thị Chát.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc: “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1979. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh K.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác và bỏ mẹ con bà tự sống trong khi gia đình không có cơ sở làm ăn, bà phải làm thuê vất vả để có tiền trang trải nuôi con, bà có nhiều lần khuyên ngăn ông H để gia đình hạnh phúc lo cho con cái nhưng ông H không nghe còn nhiều lần hành hung chửi mắng bà rồi bỏ nhà ra đi, cũng từ năm 2017 vợ chồng bà không còn chung sống với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn .

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có hai con chung tên Nguyễn Khánh T, sinh năm 2001 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/7/2006. Con chung Nguyễn Khánh T đã trưởng thành, con chung Nguyễn Đức T muốn sống chung với ai thì tùy theo nguyện vọng của con, không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà trình bày ông, bà chung sống không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày ông, bà chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2022 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Dương Thị L chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống vợ chồng ông có mâu thuẫn với nhau, bà Dương Thị L và ông không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn nhưng do hoàn cảnh ở xa nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Khánh T, sinh năm 2001 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/7/2006. Con chung Nguyễn Khánh T đã trưởng thành, con chung Nguyễn

Đức T sống chung với ông, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, và không còn chung sống với nhau. Nay bà L xin ly hôn ông H đồng ý ly hôn. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Dương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; Về con chung: Con chung Nguyễn Khánh T đã trưởng thành, con chung Nguyễn Đức T có nguyện vọng được sống chung với ông H, ông H cũng đồng ý và không yêu cầu bà L cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Đức T cho ông Nguyễn Văn H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H, ông H có đăng ký thường trú tại tổ 5, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh K. Do

đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử sơ thẩm vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Dương Thị Linh và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2002. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bà không còn chung sống với nhau. Xét thấy, giữa vợ chồng bà L, ông H có mâu thuẫn trong thời gian dài hiện nay vợ chồng ông, bà không còn chung sống, quan tâm chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, việc bà L xin ly hôn ông H cũng đồng ý ly hôn do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà Linh và ông H được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn H chung sống có hai con chung tên Nguyễn Khánh T, sinh năm 2001 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/7/2006. Con chung Nguyễn Khánh T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, con chung Nguyễn Đức T có nguyện vọng được sống chung với ông H và bà L đồng ý và ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Do đó, Hội

đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Đức T cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà L không phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Dương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Dương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/7/2006 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận việc ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Dương Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn

H trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000391 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn bà Dương Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Đăng

